

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **890/2024/HNST**

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Thanh
2. Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2024/HNST ngày 24 tháng 5 năm 2024 về: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1346/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1473/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1982

- Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: D đường K, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Bà và ông Lê Văn K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyển số 01. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K hay đánh bà, xúc phạm bà và gia đình bà, vợ chồng không còn có tiếng nói chung. Hai bên đã có hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà M xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 30/8/2005 và Lê Nhật Q1, sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Nhật Q1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 30/8/2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác nhận không có.

Bị đơn ông Lê Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân thủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ bản tự khai của bà M cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà M và ông K là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông K không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Nhật Q1, sinh ngày 26/9/2014 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông K do bà M không yêu cầu. Đối với con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 30/8/2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà M xác nhận không có. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyền số 01 ngày 03/9/2003 do Ủy ban nhân dân Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Lê Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Lê Văn K có nơi cư trú tại quận T. Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bà Nguyễn Thị Thanh M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn K vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông K.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Nguyễn Thị Thanh M yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn K.

Theo lời trình bày của bà M, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông K không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà M và ông K đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Bà M xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 30/8/2005 và Lê Nhật Q1, sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn, bà M yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Nhật Q1 vì hiện nay trẻ Q1 đang do bà M chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao trẻ Lê Nhật Q1, sinh ngày 26/9/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 30/8/2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông K do bà M không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà M khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà M xác nhận không có.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh M được ly hôn với ông Lê Văn K. Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Lê Văn K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyển số 01 ngày 03/9/2003 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Lê Nhật Q1, sinh ngày 26/9/2014 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Văn K do bà Nguyễn Thị Thanh M không yêu cầu. Đối với con chung tên Lê Minh Q, sinh ngày 30/8/2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà M khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà M xác nhận không có.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thanh M chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0008267 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà M đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc
đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hoàng Lâm